

Abstract

L'attitude scientifique dans la condition humaine

Les découvertes de la physique contemporaine nous aident à éliminer de notre pensée maints préjugés coriaces de la philosophie et de la culture. Néanmoins, le savoir des physiciens se limite aux relations quantitatives entre les êtres matériels à l'intérieur du monde matériel dont l'homme fait partie. Mais l'homme est aussi un être tri-dimensionnel, l'unité mouvante de la matière, de la vie et de la culture. Aussi, s'il faut faire confiance au savoir des physiciens dans leur domaine de compétence, il vaut mieux conserver un peu de philosophie, voire de poésie dans nos relations globales avec le monde, avec Autrui. Dans ces relations, il existe à travers le temps des "évidences" incontournables qui ne relèvent pas de la science. Elles s'expriment spontanément dans les langages que nous utilisons pour penser le monde. S'il convient de purger notre langage de tous ses concepts douteux, nous ne devons en aucun cas le réduire et l'enfermer intellectuellement dans les carcans de l'infiniment grand et de l'infiniment petit de la physique contemporaine. Car nous existons, vivons, pensons, agissons, voire nous aimons dans un monde aux échelles humaines, au-delà duquel il n'y a ni pensée ni science.

(...) ý nghĩa và giá trị của vật lý là chỗ nó giúp chúng ta khám phá ra những sai lầm của triết học bằng cách cho chúng ta thấy rằng "mọi thứ không đúng như có tham vọng có giá trị triết học ra chúng có giá trị gì cả".

(...) Vật lý phá tan mọi thứ thành kiến trong tư duy triết và trong tư duy thông thường, những không thể không đúng như mọi triết lý. Nó chỉ sáng tỏ ra những cách nói chéo để tìm thấy đi u trừu tượng và bất lực của những khái niệm trừu tượng, những nó không đưa ra những khái niệm đúng đắn2. Nó khiêu khích triết học, buộc triết học phải nghĩ ra những khái niệm có giá trị trong bối cảnh của chính nó.3

Merleau-Ponty

Vì, đúng thôi, trong nghĩa nào đó, "khoa học không suy nghĩ" – chính điều này là bí quyết gì thích sự hiểu của nó. Khoa học chỉ ngừng rời khỏi phi suy nghĩ, bằng cách tỏ ra

những máy bơm tuabin hình thoi lồi lõm để chúng gánh vác những khó khăn và mặt nước có thể duy, y như máy móc trong nhà và trong công nghiệp thay thế và kéo dài khả năng giữ gìn của thân xác chúng ta.⁴

J-M Lévy-Leblond

Chúng ta phải biết, chúng ta sẽ biết.
(Wir müssen wissen, wir werden wissen.)

David Hilbert

Tuyên ngôn bất hủ này của Hilbert đã được khắc trên bia mộ ông ở Göttingen.

Thú thực, do căn bệnh của họ của người di chứng văn chương, bệnh suy diễn, tôi có khuynh hướng di chứng thành : "Chúng ta phải hiểu, chúng ta sẽ hiểu." Tôi không dám. Nhưng là trong kỳ y học niếm ngày sinh nhật của Max Planck.

Với nhà toán học của David Hilbert, bất tử chung chung qua ngôn từ thông thường ngày, qua những ý chung, chung chung coi là kiến thức khoa học. Với nhiều nhà khoa học, ta chỉ thấy sự "bất tử" những gì ta đã "hiểu". Nghĩa là : chúng mình được rằng đi đúng hay sai, thì thôi. Chết cũng phải không đến mức cách không phải như được, mà mức độ chính xác nào đó, rằng nó đúng trong một hoàn cảnh cụ thể, rõ ràng, kiểm soát được. Những thì còn lại, ta bất tử vậy vậy, thì thôi, chúng ta không mất tin cần được.

Trong tiếng Pháp, được từ "bất tử" có hai nghĩa : bất tử chung chung, để khái quát... và hiểu bất tử khoa học. Người Pháp còn danh từ hoá quan hệ hiểu bất tử, biến nó thành khái niệm hình thức : le Savoir, "Kiến Thức" hay "Tri Thức". Đương nhiên, "Kiến Thức" hay "Tri Thức" vẫn mang trong mình hai mặt trên của quan hệ hiểu bất tử. Những được di chứng danh từ, khái niệm, nó có vẻ nói đến một cái gì đó nó có thực. Vì thế hóa khi nó long trọng, trang nghiêm, đáng tin cậy như một Sự Thật... có tầm cỡ, "có giá trị tri thức".

Niềm tin nhäp nhäng äy đã täng và vän đang lan tràn vào triät häc, văn häc, thäm chí thä văn. Nó đã khiän nhiäu triät gia, nhà tä täng, nhà lý luän văn häc đam mê đeo đuổi i Sä Thät và thäng nghĩ räng tä täng, ý täng, kiän thäc cäa chính mình biäu hiän Sä Thät. Đã täng có không ít nhà thä, nhà văn, nhà lý luän văn häc, triät gia, tä khoäc cho mình nhiäm vä tìm kiäm và nói lên Sä Thät, nhät là Sä Thät Khách Quan, Sä Thät Khoa Häc, Sä Thät Läch Sä, Sä Thät Cäa Con Ngäi, v.v. Khi hä có trong tay ít nhiäu quyän läc, có ngäi không chä nói thôi, còn thäng thäng däy dä, giáo däc, cäi täo, häng dän, kä cä bäng cäng ép đä kiäu, ngäi đäi đi theo Chân Lý. Điäu äy đã gây nhäng tai hoä kinh hoàng nào trong thä kä 20, ai cũng biät. Điäu äy đang gây nhäng tai hoä kinh hoàng nào hôm nay, cä nhìn tình hình điên loän đäm máu cäa thä giäi thì thäy.

Thí dä niềm tin xäa vào Sä Thät cäa Läch Sä đäa trên kiän thäc Khoa Häc vä nhäng Quy Luät Khách Quan cäa Läch Sä.

Hay niềm tin "Hiän Đäi" vào nhäng Quy Luät cäa Kinh Tä Thä Träng Toàn Cäu Hoá, đäc chäng minh bäng vô vàn phäng trình toán rät siêu7, nhäng chäa bao giä tiên đoán đäc nhäng khäng hoäng väa qua và säp täi cäa kinh tä thä träng, chäng bao giä đäm xäa täi thân phän cäa hàng chäc hay trăm triäu ngäi đäi cä... Và, quan träng hän, chäa bao giä väch đäc cho ngäi đäi mät häng đi häu hiäu täi mät thä giäi nhän bän hän ngay trong đäi hä.8

Trong lãnh väc thä văn, có thä tiäu lâm hän, nhä thä cũng ít tän xäng máu hän, nghä thuät thôi mà, ghê gäm đän mäy vän thua xa hai quä bom nguyên tä giäi xuäng Hiroshima và Nagasaki.

Cách đây không lâu đän näi, tôi đäa mät nhà thä Viät Nam täi Grenoble nói chuyän. Chàng näi tiäng đã täng đäi mäi thä Viät Nam và đã phäi trä giá näng hàng chäc năm. Chàng näi tiäng có kiän thäc sâu räng vä văn häc, triät häc Tây Âu. Chàng sä đäng sänh tiäng Pháp täi mäc đã tä đäch thä cäa mình qua tiäng Pháp, nói chuyän väi đäc giä bäng tiäng Pháp, thao thao bät tuyät vä Nguyên lý bät đänh9 cäa Heisenberg trong thä, quan điäm vä thä và triät lý cäa chàng. Tôi säng sä. Có thä vì tôi đät, không hiäu gì cä vä nguyên lý räc räi này. Lúc giäi lao, tôi kéo chàng ra ban công, bänh : ông äi, nói väa väa thôi, đây là thành phä đäi häc, näi khoa häc häng nhì cäa Tây đó ; đäm làm vät lý ä đây trình bày nguyên lý này bäng phäng trình cho phép chúng nó tính toán và tiên đoán rät chính xác kät quä hành đäng cäa chúng nó vào vät chät, thä thì còn bät đänh gì näa ! Näu tä do cäa con ngäi đäa vào sä bät đänh vät lý kiäu ông thì chúng nó chäng có đäa nào tä do cä, nói chuyän väi chúng nó làm gì : dù chäa đäc cä giäi Nobel vät lý, điäu gì chúng nó chäa tính toán đäc, chúng nó chäa tin là đäng, chäa tin là có thäc. Chúng nó đã tính toán đäc, chäng còn gì bät đänh cä. Tä do cäa chúng nó khác tä do cäa ngäi đäi ä đó. Chàng mäm cäi, nhìn tôi täi nghiäp. Và chàng tiäp täc thao thao bät tuyät vä tính bät đänh cäa đä thä linh tinh, nhät là cäa chä nghĩa, nhät là chä nghĩa cäa chàng, nhät là trong thä và tä

tôi ng cô a chàng. Tôi v n d ng v i th . Hôm y, tôi càng d ng v i th h n bao gi h t. Th mà tôi v n, khi t i nghi p chính mình, yêu... th , trong m i hình thái. Kh th t...

Đi u tôi thích nh t khi tôi c m c i, âm u đ c các nhà khoa h c bàn ngang t m ng i v ki n th c và ni m tin c a h trong lãnh v c s tr ng c a h , là h cũng có lúc kh c kho i nh ai. Tôi d t khoa h c. Tôi chia s n i kh c kho i làm ng i có ý th c khoa h c c a nhà khoa h c cũng nh tôi chia s – hão t i m c nào, tôi không bi t, ng i đ i s d y tôi thêm, đ u đ u, than ôi – kh c kho i làm ng i c a nhà văn. B t c ai bi t kh c kho i làm ng i ki u này ki u n , tôi đ u yêu m n, dù ch a đ ng ý tôi v n có th đ ng tình. Xin b n đ ng h i tôi : anh làm ng i i nh th nào ? Tôi không tr l i đ c. Hi n nay, tôi ch bi t hành văn thôi. N u đó cũng là m t cách làm ng i mà ng i đ i ch p nh n đ c, tôi m n nguy n.

Trong Wikipedia, t t nhiên không th coi nh ngu n tham kh o có giá tr khoa h c, tôi th y m t đi u v Max Planck, không bi t đúng sai th nào, nh ng là đ tài đáng suy ng m.

Ban đ u, Planck kh c t mô hình nguyên t v khí c a Maxwell và Boltzmann. Đ i v i ông, thuy t nguyên t s có ngày s p đ tr c gi thuy t cho r ng v t ch t liên t c (continu). Ông thu n theo thuy t nguyên t t nh ng năm 1890 khi nó đã tr thành hi n nhiên.

Năm 1899, ông t o ra nh ng h ng l ng c a Planck (h) và c a Boltzmann (k), đ ng th i v i khái ni m quanta [...] Planck khó ch u khi ph i công nh n s đúng đ n c a gi thuy t c a chính mình vì nó khi n cho v t ch t tr thành "gián đ o n" (discontinu).¹⁰

Ra th . Nhà bác h c đ c gi i Nobel v t lý nh m t khái ni m mình phát minh ra, khái ni m cho phép gi i đáp m t v n đ nan gi i trong th i đ i c a mình, m đ ng cho c m t th i đ i m i c a v t lý, i không hài lòng v i ki n th c mình kh ng đ nh đ c vì nó "ph nh n" ni m tin c h u c a mình, cũng là ni m tin ph bi n t lâu c a nhi u ng i đ i. Và, r t lâu, chính ông ch tin nó là m t « cái m o toán » thôi.

"Gián đ o n" – "Liên t c", c p ph m tr t ng ph n kinh đ i n trong t duy tri t, nh bao c p ph m tr t ng ph n khác đã t ng ám nh tôi bi t bao năm tr i ! Ph i vi t xong quy n Penser librement tôi m i t m yên, c m t ng r ng mình đã tìm đ c m t cách ti p c n và suy lu n t m ch p nh n đ c v nh ng "mâu thu n" ki u y. Riêng v v n đ này, "v t ch t gián đ o n hay liên t c ?", tôi đ i khái an i mình nh sau. Đi u ta g i là "v t ch t", "th gi i v t ch t", "vũ tr ",

"là" một táng thá đáng, một há tháng quan há năng đáng giáa tát cá nháng gái ta có thá tiáp cán đác báng giác quan cáa ta hay máy móc ta sáng táo đá quan sát và biáu hián chúng đái đáng giác quan cáa ta tiáp cán đác, dù chá là mát chuái... sá ! Trong táng thá đáng y, có chính chúng ta. Nháng chính ta lái là mát táng thá hái khác nháng vát thá khác trong vũ trá đái m này : ta là thá tháng nhát năng đáng cáa vát giái, sinh giái và văn hoá. á phám chát cuái cùng này, ta váa là chính ta váa là toàn bá nháng ngáng i đã sáng táo nháng ngôn ngá ta dùng đá tá duy, ká cáng ngôn ngá toán và... tiáng Viát, thám chí tiáng Ziao Chá, vì lý do đán gián này : ít nhát 99,99% ngôn tá và, qua đó, nháng ý táng, trong đáu ta đáu do tha nhân mang lái cho ta. Phái thá ta mái có thá "hiáu" đác vát chát 11. Phái thá ta mái có thá suy đián ra khá năng có thác cáa nhiáu vát thá hay sá kián ta cháa há "tháy" bao giá. Phái thá mái có thá có mát điáu giá gái là sá thát khoa hác vì ngoài quan há táng háp cáa chúng ta vái thá-giái 12, thá giái vát chát tá nó không có Sá thát, không có Khoa hác 13. Điáu có thác, liên tác, "vánh cáu" là nháng quan há – trong đó có ta – mà ta biát hay cháa biát : trong vũ trá không có gái biát láp, không có gái tá hián thác tá há vô – ká cáng ta. Tát cá đáu là háu quá cáa mát quá trình ván đáng. Trong vát giái chá có mát loái quan há thôi : quan há vá láng, và quan há y có không-thái gian tính 14. Tát cá nháng hình thái "cá thá" cáa vát chát đáu có thá quy vá vài hình thái cá bán chung. Chính vì thá ta có thá nêu chúng trong mát pháng trình toán 15 ! Trong ván đáng liên mián bát tán cáa nháng quan há y, có lúc có tráng thái táng đái "cân báng" cho phép nháng vát thá "cá thá" hình thành và tán tái mát cách táng đái "n đánh" đái vái nhán quan trác tiáp hay gián tiáp cáa ta. Có lúc nháng quan há y đát ngát táo sá trao đái năng láng giáa hai vát thá khián cá hai có thá bián đáng đái vái nhán quan trác tiáp hay gián tiáp cáa ta. Theo kián thác cáa chúng ta hôm nay, nhá Planck, láng năng láng có thá trao đái đác giáa nháng vát thá không thá nhá hán h. Thá thôi. "Vát chát liên tác", "vát chát gián đán" chá là cách phát ngôn hàm há, thiáu chính xác cáa triát gia, ngáng i đái tháng và, đáng nhá, cáa nhiáu nhà vát lý không phái loái xoáng ! "Sá liên tác", "Sá gián đán" còn hảo hán náa.

Thá mà ta cá cán đán chúng khi ta tá duy. Đáu phái vô cá. Đái khi ta nghiám sinh mát cách hián nhiên, chác chán, không gái phá nhán đác 16, ká cáng vát lý hián đái, ráng đái ta y nhá mát chuái gián đán vô lý, vô tình, đau đáng.

Nhá thá mà có... Thá :

"Tình chá đáp nháng khi còn [ô hô ai tai !!!] dang đá"...

Nó mà hát liên tác dang đá, nó bián quách đi cho ta đá khá, chá nó lái đát ngát gián đán, chá vì mát "quantum" ngá nhán, đau đát ngáng i đó, ngáng i i. á mà đát đác, còn đá đá, chá nó cá dai đáng liên tác hành há mình thì chát ngáng i ta... Thát váy. Vì sao ? Vì ta tán tái, sáng, suy nghĩ, hành-đáng, thám chí yêu yêu, trong thá giái trung mô. Thá giái y mà không gián đán, không

thì có thân xác của chính ta. Thì gì ư y mà không liên tục, không có gì có thể hiểu được, không em yêu, không chính ta. Nhưng biết nó "là" cái hai, ta... diễn đạt : z y mà h ng ph i z y ! đó, vật gì có sự liên tục – gián đoạn đó của nó. Sinh gì và thì gì tình thế cũng vậy, và cũng chẳng hiểu tí nào. Trong khi chính dĩ có những i tỏ ra những khái niệm, những pháp suy luận và ngôn ngữ thích ứng, giúp ta hiểu cả ba mối liên tục – gián đoạn này và quan hệ giữa chúng ngay ta, đành sống sao để sống gây đau khổ cho những khác và nếu không tránh được thì nên ít ít thôi. Vì thế, dĩ nay, tôn giáo (hiện tại), triết lý (tuyệt đối), thế văn (độc nhân tình) vẫn còn thì tốt cho cuộc nhân sinh.

Trong cõi nhân gian bé tí này, tu Tiên tu Phật mãi, hình như cũng có ngày được đạo. Nhưng đừng nghĩ như ai được đạo như tu Toán. Chẳng ai sống mãi với những trình độ. Còn phải ăn, phải yêu nữa chứ ! Không thì sống sao được, nói chi là suy nghĩ ? Lúc đó, bắt buộc phải từ bỏ dĩ thế, sống với ngôn ngữ thông thường ngày của người dĩ. Nhưng nhà vật lý cũng thế thôi. Nhưng hãy sống ngôn ngữ thông thường ngày thế nên tránh biệt bao !

Bohr đã từng nói với Heisenberg¹⁷ : thế ra tôi nghĩ rằng mọi bức hình nguyên tử [nhất nhất hạt nhân với một vài électrons dao động chung quanh] chỉ là một cách mô tả kinh nghiệm thu nhận được, thế thôi.

Ồi, nhưng gì ta nên một thế y trong kính hiển vi dĩ nhiên có thể không có thế hay sao ? ư, vậy đó ! Chính Bohr đã nói vậy mà.

Einstein dĩ nói với Heisenberg : « Với nguyên tử thì thế là sai lầm nếu xây dựng một lý thuyết chỉ dựa trên những dĩ những quan sát được. Chính lý thuyết quyết định về cái mà người ta có thể quan sát được.¹⁸ » "Chẳng quan", "duy tâm" dĩ nhiên là cùng ! Và Einstein dĩ nghĩa hành động quan sát như sau : « Quan sát nghĩa là thế để lập một quan hệ giữa một hiện tượng và sự thế hiện hiện tại đó [qua hành động] của ta.¹⁹ »

Heisenberg dĩ cho rằng tên "principe d'incertitude" không phù hợp với phát minh của ông.

J-M Lévy-Leblond thế thế thế :

Đá vào mät phát biäu đäng trong khung cänh đä cä thù và giäi hän cäa mät lý thuyät vät lý – läng tä, trong träng häp này – đä ngoäi suy trong nhäng hoàn cänh hoàn toàn khác vä bän chät, là chuyän nguy hiäm và thäng thäng có tính chät läm đäng. Sä läm đäng äy gän nhä sä gian län khi, nhä trong träng häp này, bän thân sä phát biäu ban đäu đä đã quá đäi nhäp nhäng. Đäng väy, chúng ta đät khoät phäi đäp cách giäi thäng thäng "bät đänh" đäi väi nhäng gì mà cho täi đây chúng tôi giäi là, bäng mät tä cä ý mäp mä, sä "lä mä" cäa nhäng đäi läng vät lý nhä vä trí và täc đä.21

Chính Einstein đã công nhän räng tä "täng đäi", do chính ông phä biän, không chính xác tí nào22. Có thä còn ngäng cä läi : näu23 nhäng läng ta đo đäm đäc đäu "täng đäi" đäi väi mät hä quy chiäu, có nhäng hä quy chiäu täng đäng (classes d'équivalence) trong đó ngäng i ta vän có thä, tä läng đäc đäm trong hä quy chiäu này mà suy tính ra läng sä đo đäm đäc trong hä quy chiäu khác. Đäu đó khä thi vì trong vũ trä có mät häng läng... tuyät đäi và bät biän trong mäi hä quy chiäu ! Đó là täc đä cäa ánh sáng. Nän täng cäa lý thuyät "täng đäi" là mät niäm tin... tuyät đäi ! Đäng nhä gän đây, niäm tin tuyät đäi äy đã bät đäu... täng đäi !

Thä mà chúng ta cä bäa bãi "täng đäi" väi nhau. Trong tranh luän thäng ngày, chäc bän đã täng nghiäm sinh đäu này : khi ngäng i đäi thoäi väi bän tuyän bä "mäi chuyän cũng täng đäi thoäi" thì chäng còn gì đáng nói väi nhau näa. Đäu đó thä hiän niäm tin tuyät đäi này : con ngäng i không thä hiäu nhau bäng ngôn ngä, kä cä tiäng Viät. Thä thì nó có thä hiäu nhau bäng cái quái gì ? Cái tát, giäng ngät, ve vuät, hôn ? Thä thì nói chuyän väi nhau, triät lý, hành văn, làm gì cho mät xác ? Chán thät...

Hiän nay, chä trong khoa häc ngäng i ta mäi biät tranh luän väi nhau cho täi lúc (täm thäi) ngã ngä : có hai häng läng "đäng" là häng läng cäa Planck và täc đä cäa ánh sáng. Chäm... chäa hät ! Nhäng täm thäi dùng đäc cho vô sä viäc bä ích trong khoa häc và đäi thäng. Ngã ngä räi, ngäng i "thäng" ngäng i "thua" đäu hä đä, quý träng nhau : hä đã đäc cho không nhau nhäng đäu đáng cho, đáng nhän.

Than ôi, ä đäi đäng nhä chäng có häng läng nào giúp ngäng i ta đäc cho không nhau chút tình, giúp ngäng i ta biät yêu nhau. Thäi thì täm dùng mät "häng läng" đäc thù, cũ kä, mä hä, kä đä, làm đäm täa chung cho tät cä các nän văn minh, bät kä chúng khác nhau thä nào trong không gian và qua thäi gian : tình ngäng i. Không có nó, chäng thä có bät cä nän văn minh nào. "Häng läng" đó tä nó bät biän, tuyät đäi không thua gì häng läng cäa Planck hay täc đä cäa ánh sáng : nó không thuäc loäi quan hä vä läng, không đo đäm đäc väi bät cä đän vä đo läng nào cäa vät lý kinh đäi näng nhä vät lý läng tä và täng đäi. Bän mà lä đäc em yêu "täng đäi" yêu, dĩ nhiên nhiäu hän mät quantum, bän hiäu liän, chäng cän đän phäng trình toán cao siêu nào cä. Bän mà đät ngät bä em yêu "tuyät đäi" yêu, vì mät quantum gì đó mà

chính bản cũng không ngồ i, bản cũng hi u li n, s ng mê t i, ch ng thêm bi t t i gì khác.

Nh ng nhà khoa học v t lý²⁴ c n tr ng nh th đ i v i ngôn ng th ng ngày c a chính h . V y, chúng ta, nh ng ng i s ng nh ch nghĩa²⁵ hay/và vì ch nghĩa²⁶, chúng ta nên ng x th nào v i ch nghĩa c a chính chúng ta ? Nh t là khi chúng ta thò bút vi t nh ng c m t nh "S th t", "Khoa học", "S th t khoa học", "S th t khách quan", "Quy lu t", "T ng đ i", "Tuy t đ i", "Liên t c", "Gián đo n", "B t đ nh", et tutti quanti, và, ti u lâm h n : "ph i" !²⁷

Có l , chí ít, ta nên học hai thái độ này c a các nhà khoa học.

1/ Trong quan h c a ta v i v t gi i, ta nên tin ki n th c khoa học c a h h n tin ý chí c a chính mình. Đào non và l p bi n (th thi t) mà ch có quy t chí thôi, ch ng bao gi làm nên c . Nh ng có chút khoa học và có đ ph ng ti n k thu t thì làm đ c. Có thêm tí ti n n a, càng đ m t – n u bi t tiêu cho đáng, nh ng đi u y đòi h i ki n th c khoa học ! Tuy v y, tr c khi làm, nên tham kh o ý ki n c a nh ng nhà khoa học trong lãnh v c môi tr ng. V t ch t là m t và liên t c qua s gián đo n mà !

2/ Trong t t c quan h khác c a ta v i ng i đ i, nên bi t s , bi t kh c kho i tr c khi kh ng đ nh b t c đ i u gì, quy n gì. C n h hê đ c chí kéo dài hôm nay (liên t c) có th đ t ng t (gián đo n) bi n thành c n giấ gi a nh c nh n c a ngày mai. Tri t lý duy v t bi n ch ng kinh đ i n g i món này là : l ng bi n thành ch t. L ng đó đã l n h n h c a Planck thì đ i u y kh thi. Than ôi, trong th gi i trung mô, m i hành đ ng c a ta, k c đ c di n văn hay vi t bài này thôi, đ u huy đ ng m t l ng năng l ng l n h n h.

Dù sao, s đ n m y, cũng ph i hành đ ng. Không làm gì cũng là hành đ ng r i mà, ng i đ i đâu tha cho ta đ i u y ! "Trong khi con tôi giấ ch t, van l n c u c u, anh ch n lòng ngo nh m t đi à ?" V y, c hành đ ng m t cách có ý th c, nh t là ý th c khoa học khi nó c n thi t, nh ng nên hành đ ng m t cách th n tr ng, nh t là khi... vi t văn, trong b t c lãnh v c nào, đ i b t c th lo i nào.

Đã hành đ ng vào th gi i chung c a loài ng i, t ph i quan h v i ng i khác.

Đái vái nháa khoa hác chán chánh, ta nán quý tráng kián thác và yêu mán sá trung thác cáa há đái vái ta và ngáng i đái. Há sá không láa ai, nói dác vái ai vá quan há giáa vát thá vái vát thá, giáa ngáng i vái vát giái. Sá thát khoa hác nghĩa là thá... thôi. Nó vô cùng quý báu vì đã có biát bao nháa khoa hác đích thác, thám chí đã đáng giái Nobel, đã táng láa ngáng i đái, nói dác vái ngáng i đái vì đá thá lý do. Cháa ká nháng ngáng i rát thát thá kháng đáng thá chuyán không tuá thuác kián thác khoa hác hián có cáa há ngay trong lĩnh vác kián thác cáa há. Trong tráng háp y, đáng vái bác đáng. Tinh thán khoa hác cũng là váy.

Đái vái nháa thá, nháa văn, nháa lý luán văn hác, triát gia, et tutti quanti, thì... ngáng cái ! Yêu thá văn, suy luán cáa há vì nó đáp áng nhu cáu làm ngáng i hián nay cáa ta, cá thoái mái... yêu. Và nán yêu... hát mình ! Khi tá mình tháy... đáng yêu. Cháng chát đáu và, bình tháng, cháng hái ai cá. Có khi còn thích thú náa. Nháng đáng chá đái há bát cá thát khoa hác nào cá. Do đó, yêu thì cá yêu, nháng đáng vái tin, nhát là khi phái hành đáng.

Đái vái đa sá chính khách đái nay, cháng nán tin, yêu đáu gì cá ngoài đáu này : chính sách anh đang chá tráng và hành đáng thiát thác cáa anh đá thác hián nó phù háp vái nhán cách cáa tôi, đáng bào tôi, ngáng i đái láng thián hay không ? Thá thôi. Náu phù háp, tôi sá cùng anh hát mình đáu tranh cho nó. Náu không, you profit, I don't work for28.

Xin chám đát bài này báng câu chuyán đáu dáng êm á zui zui. Hián táng này hình nhá phá bián : vá cháng thích cái nhau kách liát trong lúc... lái xe. Mát ngáng i lái, mát ngáng i "chá đáo". Sao lái nhanh thá, chám thá ? Sao lái rá mà không đi tháng ? Không tháy báng chá đáng y à ? Rá vào đây, đây này, đây này... Dĩ nhiên, ngáng i lái xe lián rá vào đáng... khác. Nó mà nhìn ngón tay chá đáng cáa ngáng i chá đáo, nó có thá gây tai nán giao thông ngay, bá máng hay giát ngáng i lián ! Hai ngáng i không chá có há quy chiáu "táng đáng". Ngáng i cánh nhau và di chuyán trong không gian vái cùng tác đá mà ngáng i ta cám nhán không gian và thái gian khác nhau đán thá ! Vì sao ? Vì hành đáng trong nhán giái, tuy phái có kích thác vát chát mái có thác, rát khác quan há giáa sá vát vái sá vát trong khoa hác vát lý. Váy, trong khi cháa có kián thác hoác thái giá đá quy tát cá vá mát há quy chiáu tuyát đái, ta nán cháp nhán ráng, khi hành đáng, mái ngáng i là mát há quy chiáu cá biát, không thá phá nhán đáng và, bình tháng, cũng đáng tin, có lúc còn đáng yêu yêu náa, cá đá nó lái xe nhá nó tháy phái lái, mián sao đáng đám chát ai hay/và giát chính mình là đáng đáng cái.

Trong hành đáng tháng ngày, ta nán táp nhán đái theo há quy chiáu cáa ngáng i khác. Sá gián đán yá vái chính mình cán thiát cho sá liên tác sáng ôn hoà vái nhau trong kiáp nhán sinh. Biát đâu ta sá nói chuyán đáng vái nhau "tái cùng" và "hiáu nhau"... hán, mát tí ? Biát tám quên mình mát tí (nháng đáng bao giá quên luôn nhe, kinh hoàng lám đáy), biát nhìn đái mát khác trong hoàn cánh và theo thá nhán cáa tha nhán, là mát nán táng cá bán cáa tình ngáng i, cáa văn

Trong kiếp nhân sinh, mỗi người là một hạt quy chiểu dưới càn khôn, "biết là người". Ngoài... ngôn ngữ văn là chất ngôn ngữ chung nhưng văn có âm hưởng thơ mĩ chí ý nghĩa đời biết trong từng ngôn ngữ ! Vì dù chúng ta nên ngôn ngữ trong "cùng hoàn cảnh", nhưng ai nên ngôn ngữ ý nghĩa, nhất là thơ thi lo ngại ly, chinh chiến, di cày, di tị nạn, di dân, thơ thi kháng chiến hoán đổi xã hội, niềm tin, văn hoá. Thơ mà ta văn có thơ "hiếu u nhau", tin nhau. Chết ít, lâu lâu, cũng có thơ yêu nhau tí ti. Giỏi thích điếu này thơ nào đây ? Có thơ sáo không bao giờ giỏi thích điếu cách khoa học. Nhưng văn có thơ nói cho nhau... nghe điếu điếu. Tôi tin văn nghệ không nhưng mình điếu điếu. Dù sao tôi đã biết : đam mê quá đà, dẫu biết là điếu ; quá ham "có lý", có thơ đánh mất tình người ; mình như chim ; hiếu u nhau, dù chỉ một tí, dù chỉ một khúc, dù từng điếu thôi, mãi mãi là khát vọng của con người.

2008-08-31

1. Tôi xin báo: tôi không có kiến thức khoa học vật lý, nói chi đến vật lý lượng tử. Tôi chỉ là một tác giả do các nhà khoa học viết để trình bày kiến thức của họ cho người đọc, để biết khi họ bàn về kiến thức liên quan tới những khái niệm mà họ biết trong triết học. Quan điểm riêng của tôi về những khái niệm như "sự thật", "khoa học", "sự thật khoa học", "sự thật khách quan" và một số khái niệm kinh điển trong triết học như không gian, thời gian, vật chất, vật thể, thực thể, sự vận động, hành động, v.v. cũng như những pháp suy luận biện chứng, đã được trình bày trong hai quyển *Penser librement* (Chronique sociale, Lyon, 2000) và *Tư Duy Tự Do*, (nxb Đà Nẵng, 2006). Xin tôi được gì, tuy dùng tôi, tôi không thể trình bày lại trong bài này.

Theo tôi : triết lý là suy luận để có những khái niệm mới, mà họ học quá thô sơ, gộp mọt thành kiến của họ sẽ trong quan hệ giữa người và người, mà để cho một nhân vật cái mới,

đúng đắn và, nếu có thể, trừu tượng hơn. Thế thôi. Trong triết có những vấn đề mà hiện nay khoa học chưa thể giải quyết, chưa kể tới những vấn đề mà khoa học không thể giải quyết, những vấn đề là môi trường sống có nhân cách, môi trường làm người của ta hôm nay.

3 PHD dịch nghĩa, không dịch văn, những câu :

«(...) le sens de la physique est de nous faire faire des "découvertes philosophiques négatives[*]" en montrant que "certaines affirmations qui prétendent à une validité philosophique n'en ont pas en vérité".

(...) La physique détruit certains préjugés de la pensée philosophique et de la pensée non philosophique, sans pour autant être une philosophie. Elle se borne à inventer des biais pour pallier la carence des concepts traditionnels, mais elle ne pose pas de concepts de droit. Elle provoque la philosophie, la pousse à penser des concepts valables dans la situation qui est la sienne. » [MP]

[*] Merleau-Ponty emprunte cette expression (et la citation qui suit) aux physiciens London et Bauer [Ln&B].

Aux contraires, Jean-Marc Lévy-Leblond, NRF essais, Éditions Gallimard, 1996, trang 15-16.

Nói toạc móng heo thì thế này : triết gia truyền thống suy luận với những khái niệm thông thường là những sự thật vĩnh cửu rất siêu những thực tại thì chúng có giá trị gì đâu. Thí dụ như khái niệm không gian và thời gian của Kant hay quan hệ giữa hai khái niệm này của Hegel. Bây giờ lý chúng em xin thưa với các đäi gia : trong lãnh vực hành động của chúng em ngày nay, các khái niệm này sai bét ! Với các đäi gia ráng tìm ra khái niệm mới phù hợp với hoàn cảnh hành động này vì nó có thực, chúng mình và thế giới mới thực, và nó thực sự đã tác động vào đời sống hàng ngày của người đời.

Đäu này "đúng / sai" như thế nào, trong bối cảnh nào, với giới hạn nào, ta không bàn ở đây. Chúng ta biết nó có thực và chính đáng, không thể làm ngäc được.

4 Car, il est vrai, en un certain sens, que "la science ne pense pas" – c'est même le secret de son efficacité. La science fait un effort considérable pour ne pas penser, en mettant au point de remarquables machines symboliques et formelles qui prennent en charge les difficultés et les fatigues de la pensée, tout comme nos machines domestiques et industrielles viennent relayer et prolonger nos capacités physiques limitées.

Aux contraires, J-C Lévy-Leblond, Gallimard, 1996, trang 16.

Lévy-Leblond là giáo sư vật lý và... triết lý khoa học (épistémologie). Đáng tái khoa học, tôi thích đác tác phẩm của các nhà khoa học đích thực : họ không chỉ có kiến thức vàng và chính xác về khoa học, có ngái còn có văn hoá đáy mình, đác biát trong lãnh vực triết lý khoa học tác tái kim. Ý của Lévy-Leblond thế này. Những kiến thức khoa học đã đác kháng đánh rồi thì ta có thể thoái mái dùng – trong bái cánh mà chúng có giá trị –, những pháng trình toán biáu hián chúng, không cần kiểm soát lại, càng không cần tính toán lại từng bước tá đáu, mà tác công tán sẽ có một cách vô bá, cần việc đáa cho máy tính gánh vác họ. Còn phát huy kiến thức khoa học lại là chuyện khác, chẳng đá tí nào, có khi suy nghĩ nát óc vẫn không nhích lên đác nửa bước.

Đáng như đái với kiến thức triết học thì... ngác lại. Trong triết học, không có khái niệm nào có thể nhám mắt tin đác, luôn luôn phải đát lại và náng ngay tá ban đáu. Phải chăng vì thế có những ý táng của số hàng nghìn năm mà hôm nay vẫn chưa có câu trả lời? Phải chăng vì thế, đái, triết gia thì hàng hà sa số, những triết lý mà ra một thế đái tá duy mà thì có cả hiám.

5 Chẳng mình rằng một điều gì đó... sai, quan trọng không thua gì chẳng mình đác rằng nó... đúng. Chẳng mình rằng một điều gì đó nằm ngoài khả năng chẳng mình đúng/sai của hệ lý luận mình đang vận dụng thì càng tuyệt!

6 Mon père ne savait pas tout, mais il savait un peu de tout. Cha tôi không biết mọi chuyện nhưng cũng biết một tí về mọi chuyện. Một giá trị văn hoá phổ thông, culture générale, của Pháp họ đáu thế kỷ 20, trước hai cuộc tàn sát kháng họ mãi mãi mà nền văn hoá y cho tái nay vẫn không hề suy giảm. Theo trí tuệ tái của tôi. Của nhà văn nào, tôi không nhớ nữa.

7 đäi väi kinh tä gia và ngäi đäi thäng, nhäng đäi väi toán gia thäc thäi...

8 Không hoàn toàn "đúng" – näu ta chä muän thäy kät quä cuäi cùng cäa täng giai đänh phát triän kinh tä mät sä näc nhä Trung Quäc hôm nay chäng hän. Nhäng nhìn toàn bä quá trình phát triän yä thì kinh hoàng : tàn nhän không thua gì thäi tích lũy vän tä bän ban đäu täi các näc tä bän ä Tây Âu và thuäc đäa cũ và mäi cäa hä. Cän gì toán häc hiän đäi đä bät chäc tä bän Tây Âu ä thä kä 19 và thành công nhä hä đã täng thành công ? Ai không tin, cä đi häi 350 triäu "lao công" Tàu hiän nay thì biät. Chäng khác phu đän điän cao su ä Viät Nam thäi thäc dân bao nhiêu.

9 Principe d'incertitude hay Principe d'indétermination.

10 "Planck rejette, dans un premier temps, le modèle atomiste des gaz de Maxwell et Boltzmann. Pour lui, la théorie atomique s'effondrera à terme en faveur de l'hypothèse de la matière continue. Il se rallie devant l'évidence à l'atomisme à partir des années 1890."

En 1899, il introduit les constantes de Planck (h) et de Boltzmann (k) en même temps que la notion des quanta [...] Planck a du mal à accepter sa propre hypothèse, rendant la matière « discontinue ».

11 Tät nhiên, "hiäu" là mät quá trình bät tän. Marx và Engels đã väch rõ tä lâu.

Xin "trích" theo trí nhä täi tä cäa tôi, ý bät hä này : La contradiction entre le caractère limité de nos connaissances et notre capacité infinie à connaître se résout dans le développement infini du Savoir. Mâu thuän giäa tính giäi hän cäa kiän thäc cäa chúng ta và khä năng hiäu vô tän cäa chúng ta tä giäi quyät qua sä phát triän vô tän cäa Kiän Thäc. Väi ngôn ngä triät cäa thä kä 19 täi Châu Âu, hành văn biän chäng đän thä là cùng !

Dĩ nhiên, "bät tän" trong nhân giäi. Bän thân nhân giäi bät tän hay không, phäi diän diän mäi dám khäng đänh (PHä).

12 Quan hệ chung của chúng ta với vật giới và với nhau trong tư cách người.

13 Xem lập luận chi tiết trong *Penser librement* hay *Tư duy tự do*.

14 Đây là nguyên lý nền tảng của triết lý duy vật biện chứng của Marx và Engels : Thoạt tiên có vật chất năng động (*matière en mouvement*). Vật chất đã thì nó năng động thì thì nó cũng là không-thời gian. Khi ta đem hai triết gia này xuyên qua những khái niệm "không gian", "thời gian", "hiện tượng" và "vận động" của Kant, ta hiểu ai khác, không hiểu họ vì họ không chấp nhận Kant thôi mà còn phải thừa nhận luôn cả Hegel nữa. Trên cơ sở này, họ cho rằng điều duy nhất đáng tìm hiểu là : những quy luật chung nhất của sự vận động, thì hình thái thô sơ nhất, hình thái vật thể, thì hình thái phức tạp nhất : tư duy. Và vậy mà, một cách khá gọn gàng gọn, ba quy luật của phép biện chứng của Hegel. Tôi đã phân tích vài thí dụ cụ thể trong *Tư Duy Tự Do*.

15 Một pha loãng trình vật lý là một quan hệ với những giới hạn của những vật thể, một sự biến đổi lẫn nhau, họ kém nhau, một sự động nhất và biến chuyển mà dù những hình thái cụ thể khác biệt qua đó ta cảm nhận chúng. $E=Mc^2$ có nghĩa : không có sự khác biệt và biến chuyển giữa những cái ta gọi là khối lượng hay năng lượng "cực" một "vật thể".

16 *évidence* của Descartes.

17 « A vrai dire, je pense que ces dessins d'atomes sont ce qu'il y a de mieux comme images classiques, mais rien de plus. »

Werner Heisenberg, *La grande Unification*, Seuil, 1991, tr. 85

18 Einstein, Nguyễn Xuân Xanh, NXB Tổng hợp TP HCM – 2007, trang 260.

Tôi đã "gợi thích" ý "quái gở" này trong hai quyển sách đã nêu.

19 Il raisonnait ainsi : "Observer signifie établir une relation entre un phénomène et notre réalisation du phénomène."

Werner Heisenberg, La grande Unification, Seuil, 1991, tr. 89.

20 tên do chính nhà khoa học đã dùng để nêu danh lý thuyết này cho người đời thông. PHĐ.

21 Il est toujours risqué, et le plus souvent abusif, d'extrapoler un énoncé valide dans le cadre spécifique et restreint d'une théorie physique – quantique en l'occurrence – à des situations d'une nature toute différente. L'abus confine à l'escroquerie quand, comme ici, l'énoncé initial est lui-même plus que douteux. C'est qu'en effet on doit absolument révoquer l'appellation commune d' "incertitude" appliquée à ce que nous avons jusqu'ici dénommé, d'un mot volontairement vague, le "flou" des grandeurs physiques de position et de vitesse.

Aux contraires, J-M Lévy Leblond, Gallimard, trang 190.

Cà khäa chä nghĩa väi ông này thì mät läm đäy. Ít ai sä đäng täng Pháp mät cách rõ ràng, mäch läc, chính xác và chät chänh ông trong tác phäm này. Nhäng đäc sách cäa ông thì mê täi. Trong quyän sách này, nhäng trang 184-188 duyät sä qua nhäng läm đäng "nguyên lý bät đänh" cäa các triät gia, lý thuyät gia trong khoa häc nhân văn, nhà lý luän văn häc, nghä sĩ và... chính khách (Valéry Giscard d'Estaing, cäu täng thäng Pháp, cäu häc sinh träng Polytechnique) .

22 Aux contraires, J-M Lévy Leblond, Gallimard, trang 130.

Nhäng nhà vät lý đäi nay thích gäi nó bäng "nguyên lý bät biän (không-thäi-gian)", "principe d'invariance (spatio-temporel)" ! Thä thì còn "täng đäi" näi gì ?

23 Nói mät cách khäi khäi, không chính xác theo chuän khoa häc.

24 mặt lãnh vực "nh" thôi c&a con người trong kiếp nhân sinh, tuy nó đã chi phối hàng ngày toàn bộ cuộc sống c&a chính ta, cũng như đời n&c và c&gi&i cách đây không lâu. Quen dùng rồi thì chúng còn thấy ghê g&m n&a. Không có nghĩa là nh&ng nhà lãnh đ&o các qu&c gia, nh&t là còn đang ch&m t&n, có quy&n coi th&ng chuy&n phát huy ki&n th&c khoa h&c và trí tu& nói chung c&a dân chúng đ&, đ&a vào nó, phát tri&n nhanh và lâu bền m&i lãnh vực khác c&a đ&i sống xã h&i. Trong lãnh vực này, ch&m m&t ly, t&t h&u nghìn đ&m. May thay, trong lãnh vực này, có th& "đ&t giai đ&n" đ&c. C& coi Nam Hàn thì th&y. Lévy-Leblond cũng có lý : đ& ti&p thu và s& đ&ng ki&n th&c khoa h&c, ch& c&n h&c và tin th&i, không c&n ph&i suy nghĩ hung cho l&m ; đ& phát minh khoa h&c thì... không đ&n gi&n nh& th& !

25 trí th&c đ& ngành ngh& và chính khách.

26 nhà th&, nhà văn, tri&t gia et tutti quanti.

27 Ôi, ch& trong bài này thôi, tôi đã dùng t& "ph&i" 31 l&n ! B&n l&n đáng nghi ng& nh&t l&i th& hi&n ni&m tin c&a chính tôi. Chán th&t...